

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH CHIỂU

Biểu mẫu 01
(Theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017)

Công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

STT	NỘI DUNG	ĐẠT
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ sẽ đạt được	Thực hiện theo quy định tại TT liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học. Đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới: Trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo quy định của độ tuổi: + Trẻ phát triển tốt theo độ tuổi: tỉ lệ 76.52%(176/230) + Trẻ thừa cân so với độ tuổi : tỉ lệ 20.43 %(47/230) + Trẻ nhẹ cân, thấp còi : tỉ lệ 3.04 %(7/230) - Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi so với đầu năm học dưới 1% và không chế tỷ lệ trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi. - Trẻ khỏe mạnh vui vẻ tự tin và tích cực tham gia các hoạt động.
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	- Đạt yêu cầu phát triển toàn diện đối với trẻ ở từng độ tuổi: + Nhà trẻ đạt 85 % trở lên; + Mẫu giáo 95% trở lên; + Mẫu giáo 5 tuổi 98% trở lên; Trẻ 5 tuổi đạt 100% hoàn thành chương trình GDMN và phổ cập mầm non theo độ tuổi. - Trẻ giao tiếp, ứng xử, chào hỏi lễ phép đúng mực; biết nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh - Trẻ mạnh dạn tự tin trong các hoạt động - Trẻ có tính tự lập cao: Biết tự vệ sinh cá nhân, tự phục vụ bảo vệ bản thân; - Trẻ thích ứng nhanh với môi trường xung quanh, môi trường mới.
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ theo	- Đảm bảo thực hiện có chất lượng Ch/trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 - Xây dựng và thực hiện có chất lượng chương trình theo chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Thủ Đức + Chương trình Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật hòa nhập (Nếu có); - Ứng dụng các phương pháp dạy học kỹ năng giao tiếp, lấy trẻ làm trung tâm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ trong các hoạt động tổ chức tại trường.
IV	Các điều kiện chăm sóc,	- Cơ sở vật chất phòng lớp, trang thiết bị đảm bảo đủ điều kiện

nuôi dưỡng và giáo dục	chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non; đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học đảm bảo theo TT số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010, TT 34/2013 và Văn bản hợp nhất tháng 3/2015 (đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng) - Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn trở lên, được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên liên tục hàng năm. - Có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường, đảm bảo các quyền lợi vui chơi học tập cho trẻ theo qui định. - Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường./.
-------------------------------	--



TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Võ Như Ý

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH CHIỂU

Biểu mẫu 02
(Theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày
28/12/2017)

CÔNG KHAI VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Năm học 2023 - 2024

Đơn vị tính: trẻ em

TT	Nội dung	Tổng số trẻ	Độ tuổi						
			Nhà Trẻ				Mẫu Giáo		
			6-12 th	13-18 th	19-24 th	25-36 th	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ	230	2	0	6	11	37	84	90
1	Số trẻ em nhóm ghép	/	/	/	/	/	/	/	/
2	Số trẻ em học 1 buổi/ ngày	/	/	/	/	/	/	/	/
3	Số trẻ học 2 buổi/ngày	230	2	0	6	11	37	84	90
4	Số trẻ khuyết tật học hòa nhập	/	/	/	/	/	/	/	/
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	230	2	0	6	11	37	84	90
III	Số trẻ được kiểm tra định kỳ sức khỏe	230	2	0	6	11	37	84	90
IV	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	230	2	0	6	11	37	84	90
V	Kết quả phát triển sức khỏe	230							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	76.52%	/	/	/	/	/		/
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0.86%	/	/	/	/	/	/	/
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	76.52%	/	/	/	/	/	/	/
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2.17%	/	/	/	/	/	/	/
5	Số trẻ em thừa cân béo phì	20.43%	/	/	/	/	/	/	/
VI	Số trẻ em học các Chương trình chăm sóc giáo dục	230	2	0	6	11	37	84	90
1	Chương trình Giáo dục nhà trẻ	19	2	0	6	11			
2	Chương trình Giáo dục mẫu giáo	211					37	84	90

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)
Võ Như Ý